

KINH TẾ - CHÍNH TRỊ

QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN NGÀNH DỊCH VỤ TRUNG QUỐC VÀ NGÀNH DỊCH VỤ TIÊU BIỂU NHẤT: TÀI CHÍNH TIỀN TỆ

LÊ VĂN SANG*

Trong các nền kinh tế phát triển, ngành dịch vụ có vai trò rất lớn và ngày càng đa dạng hóa, đến nay có thể qui tụ thành một số bộ phận lớn, có chức năng tương đối giống nhau, nhưng với cơ cấu hoàn toàn khác nhau là giao thông vận tải, thông tin liên lạc, thương nghiệp bán buôn bán lẻ, tài chính tiền tệ, ngân hàng tín dụng, bảo hiểm, kinh doanh bất động sản, kiến trúc, dịch vụ sản xuất và lưu thông, dịch vụ sinh hoạt, sửa chữa bảo dưỡng ô tô, hoạt động văn hóa nghệ thuật và một số lĩnh vực xã hội như giáo dục, y tế, phục vụ xã hội cho mọi tầng lớp nhân dân. Ở các nước phát triển ngày nay, tính chung ngành dịch vụ đã chiếm khoảng 60% GDP, riêng Mỹ tỷ lệ này đã vượt 70%.

Trung Quốc là nước đang phát triển, ngành dịch vụ đang trong quá trình tăng trưởng và đa dạng hóa ngành nghề rất nhanh. Theo cách phân loại ngành nghề của Trung Quốc, ngành nghề thứ III hay là ngành dịch vụ gồm hai lĩnh vực rộng lớn: lĩnh vực lưu thông và lĩnh vực phục

vụ, được phân thành 3 bộ phận dịch vụ lớn sau đây:

1) Bộ phận lưu thông bao gồm ngành giao thông vận tải, ngành thông tin bưu điện, ngành thương nghiệp trong nước, ngành mậu dịch đối ngoại, ngành cung ứng vật tư, ngành lưu trữ.

2) Bộ phận phục vụ sản xuất và phục vụ sinh hoạt bao gồm ngành tài chính tiền tệ, bảo hiểm, ngành thăm dò địa chất, ngành bất động sản, ngành sự nghiệp công cộng, ngành phục vụ xã hội, ngành du lịch, ngành phục vụ tư vấn thông tin, ngành phục vụ kỹ thuật tổng hợp, ngành phục vụ thủy lợi nông lâm ngư.

3) Bộ phận phục vụ nâng cao trình độ văn hóa khoa học và tổ chức dân cư bao gồm ngành giáo dục, ngành văn hóa nghệ thuật, ngành nghe nhìn, ngành nghiên cứu khoa học, ngành y tế, ngành thể dục thể thao, ngành phúc lợi xã hội.

Như vậy, về nội dung các ngành thuộc ngành nghề thứ III gắn với ngành dịch vụ theo quan niệm của thế giới hiện nay.

* PGS. TS Trung tâm Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương.

Tuy nhiên trong thống kê, theo thói quen lâu nay, ngành nghề thứ III của Trung Quốc không bao gồm ngành kiến trúc - xây dựng được thế giới phát triển liệt kê vào ngành dịch vụ. Mặc dù vậy, thống kê sau đây cũng cho chúng ta thấy sự phát triển của ngành dịch vụ Trung Quốc trong thời gian qua:

Bảng 1: TỶ TRỌNG NGÀNH NGHỀ THỨ III TRONG GDP TRUNG QUỐC (%)

Năm	Ngành nghề thứ I	Ngành nghề thứ II	Ngành nghề thứ III
1978	28,1	48,2	23,7
1985	22,5	49,1	28,4
1990	18,7	51,2	30,1
1995	20,5	48,8	30,7
1998	18,0	49,2	32,8

Nguồn: Niên giám thống kê Trung Quốc 1999.

Bảng 2: SỐ NGƯỜI LÀM VIỆC TRONG NGÀNH NGHỀ THỨ III TRONG TỔNG SỐ NGƯỜI LÀM VIỆC CỦA TRUNG QUỐC (%)

Năm	Ngành nghề thứ I	Ngành nghề thứ II	Ngành nghề thứ III
1978	70,5	17,4	12,1
1985	62,4	20,9	16,7
1990	60,1	21,4	18,5
1995	52,2	23,0	24,8
1997	49,9	23,7	26,4

Nguồn: Niên giám thống kê Trung Quốc 1999.

Bảng 3: TỶ TRỌNG (% TRONG GDP) CỦA CÁC NGÀNH CHỦ YẾU TRONG NGÀNH NGHỀ THỨ III

Năm	1978	1990	1995	1998
Ngành giao thông vận tải và bưu điện	20,1	19,7	17,0	19,2
Thương nghiệp	30,9	24,4	27,5	-
Tài chính tiền tệ và bảo hiểm	9,0	21,2	19,4	21,0
Các ngành dịch vụ khác	40,0	34,0	36,1	-

Nguồn: Lưu Quốc Quang (chủ biên): *Phân tích viễn cảnh kinh tế Trung Quốc*, Báo cáo năm 1999, NXB Văn hiến khoa học xã hội.

Thống kê trên cho thấy, ngành dịch vụ Trung Quốc đã có sự phát triển đáng kể, đặc biệt là trong 5 năm gần đây, ngành này đã tăng nhanh trở thành ngành chủ lực thu hút lao động và tăng GDP. Đây cũng là ngành nhạy cảm nhất

khi Trung Quốc gia nhập WTO, đòi hỏi Trung Quốc phải nỗ lực rất nhiều mới đủ sức cạnh tranh với các công ty nước ngoài.

Trong 5 năm (1998-2002), tốc độ tăng bình quân của ngành dịch vụ là 7,8%, cao hơn tốc độ tăng trưởng kinh tế cùng kỳ (7,6%). Giá trị sản phẩm ngành dịch vụ năm 2002 đạt 3453,3 tỷ NDT, tỷ trọng ngành dịch vụ trong GDP tăng từ 32,1% lên 33,7%, tăng thêm được 1,6%.

Đóng góp của ngành dịch vụ đối với tăng trưởng kinh tế nâng cao rõ rệt. Theo thống kê, từ năm 1998 đến năm 2002, đóng góp vào tăng trưởng kinh tế của ngành dịch vụ là 28,9%, cao hơn 3,5% so với thời kỳ 1990-1997. Theo thống kê, hiệu suất đóng góp của ngành dịch vụ đối với tăng trưởng kinh tế tăng lên đến 41,2%.

Ngành dịch vụ phát huy vai trò chủ lực trong việc tạo việc làm. Từ năm 1995 đến năm 2002, lao động nông nghiệp trong tổng số lao động giảm 2,2%, lao động công nghiệp và xây dựng cũng giảm 1,6%, riêng ngành dịch vụ tăng 3,8%. Số người làm trong ngành dịch vụ tăng thêm 42,1 triệu người, chiếm 74,2% tổng số việc làm mới trong cả nước ⁽¹⁾.

Tuy vậy, so với chỉ tiêu chung của thế giới, ngành dịch vụ Trung Quốc vẫn còn nhiều hạn chế. Năm 2002, tỷ trọng của ngành dịch vụ mới chiếm 28,6% trong GDP, trong khi đó ở các nước phát triển tỷ trọng bình quân trên 60%. So với các nước đang phát triển, Trung Quốc cũng thấp hơn 10%. Tỷ trọng ngành dịch vụ

truyền thống còn quá lớn, tỉ trọng các ngành dịch vụ mới phát triển chưa đủ. Các ngành dịch vụ truyền thống như thương mại, giao thông vận tải... chiếm khoảng 40%. Ngành tài chính tiền tệ, thông tin, tư vấn, khoa học - công nghệ, giáo dục, du lịch, báo chí xuất bản, nghe nhìn... chiếm chưa đầy 30%, trong đó ngành dịch vụ thông tin chiếm chưa đầy 5%. Sức cạnh tranh quốc tế của ngành dịch vụ Trung Quốc thấp. Sức cạnh tranh của ngành dịch vụ thua ngành chế tạo, trừ một số ít ngành như ngành du lịch ra, đại đa số các ngành dịch vụ vẫn ở trong tình trạng thâm hụt cán cân thanh toán.

Từ nay đến năm 2005 Trung Quốc đặt mục tiêu: Tốc độ tăng trưởng ngành dịch vụ cao hơn tốc độ tăng trưởng kinh tế, phấn đấu đạt 7,5%; nâng tỉ trọng ngành dịch vụ trong GDP từ 33,2% năm 2000 lên 36% năm 2005; tốc độ tăng số người làm việc trong ngành dịch vụ bình quân hàng năm trên 4%, cố gắng tăng thêm 45 triệu chỗ làm mới, nâng tỉ trọng trong tổng lao động xã hội của ngành từ 27,5% năm 2000 lên 33% vào năm 2005.

Ngành dịch vụ rất đa dạng và phức tạp, muốn đánh giá đầy đủ hơn, sâu hơn về sự trưởng thành của ngành này của Trung Quốc trong 55 năm qua, chúng tôi lựa chọn cách phân tích một ngành tiêu biểu trong số rất nhiều ngành dịch vụ như đã trình bày ở trên, đó là ngành tài chính tiền tệ - hệ thống mạng lưới vận động tiền vốn xã hội, trên một ý nghĩa nhất định, đó cũng là hệ thống thần kinh của nền kinh tế.

I. NHỮNG TIẾN BỘ CỦA NGÀNH TÀI CHÍNH TIỀN TỆ TRUNG QUỐC

Qua cải cách mở cửa, ngành tài chính tiền tệ Trung Quốc đã có bước phát triển lớn, hệ thống tài chính tiền tệ đã hình thành kết cấu đa nguyên hóa, có tính cạnh tranh; nghiệp vụ tài chính tiền tệ đã mở rộng rất nhiều, cơ chế vận hành đã cơ bản chuyển đổi từ mô hình kinh tế kế hoạch tập trung sang kinh tế thị trường, nhanh chóng thích ứng với các thông lệ quốc tế, chỉ tiêu về tổng lượng tài chính tiền tệ đã tăng trưởng với biên độ lớn. Sự phát triển nhanh chóng của ngành tài chính tiền tệ đã tạo điều kiện cho nền kinh tế Trung Quốc cất cánh. Thành tựu to lớn của ngành tài chính tiền tệ Trung Quốc có thể thấy được trên các mặt chủ yếu sau đây:

1. Tổ chức tài chính tiền tệ

Lúc mới cải cách, nền tài chính tiền tệ của Trung Quốc được tổ chức tập trung thống nhất cao độ. Đến năm 1984, Ngân hàng nhân dân Trung Quốc mới bắt đầu chuyên làm chức năng của ngân hàng Trung ương, chế độ ngân hàng 2 cấp của Trung Quốc đã chính thức thành lập. Nhờ đó tổ chức tài chính tiền tệ của Trung Quốc đã phát triển rất nhanh. Một mặt với tư cách 4 ngân hàng chuyên ngành lớn của nhà nước, Ngân hàng công thương Trung Quốc, Ngân hàng nông nghiệp Trung Quốc, Ngân hàng Trung Quốc và Ngân hàng kiến thiết nhân dân Trung Quốc đã không ngừng phát triển lớn mạnh. Mặt khác, một số ngân hàng thương mại có tính toàn quốc và tính khu vực cùng những tổ chức tài

chính tiền tệ phi ngân hàng đã tới tấp được thành lập. Năm 1994, ba ngân hàng chính sách: Ngân hàng phát triển nhà nước, Ngân hàng phát triển nông nghiệp Trung Quốc và Ngân hàng xuất nhập khẩu Trung Quốc đã chính thức mở cửa hoạt động, bốn ngân hàng chuyên ngành (công nghiệp, thương nghiệp, xây dựng, tài chính) đã từng bước chuyển đổi thành ngân hàng thương mại thuộc sở hữu nhà nước. Đến hết năm 1995, ngoài Ngân hàng nhân dân Trung Quốc, bốn ngân hàng thương mại thuộc sở hữu nhà nước và 3 ngân hàng chính sách ra, các tổ chức tài chính tiền tệ của Trung Quốc còn có Ngân hàng giao thông, Ngân hàng thực nghiệm tín dụng Trung Quốc, Ngân hàng Quang Đại, Ngân hàng Hoa Hạ, Ngân hàng đầu tư Trung Quốc, Ngân hàng phát triển Quảng Đông, Ngân hàng phát triển Thâm Quyến, Ngân hàng phát triển Phố Đông, Ngân hàng phát triển Hải Nam, Ngân hàng Chiêu Thương, Ngân hàng hưng nghiệp Phúc Kiến, Ngân hàng tiết kiệm nhà ở Yên Thái, Ngân hàng tiết kiệm nhà ở Phong Phụ, Ngân hàng hợp tác thành phố Thâm Quyến, tổng cộng 14 ngân hàng thương nghiệp có tính toàn quốc và tính khu vực. Năm 1996, Ngân hàng dân sinh Trung Quốc và các ngân hàng hợp tác thành phố Thượng Hải, Bắc Kinh cũng đã chính thức mở cửa hoạt động. Cùng với sự phát triển nhanh chóng của tổ chức ngân hàng, sự phát triển của các tổ chức tài chính tiền tệ phi ngân hàng cũng rất nhanh. Đến hết năm 1995, các tổ chức tài chính tiền tệ phi ngân hàng đăng ký lại đã lên đến 511, trong đó có 322 công ty đầu tư ủy thác tín dụng, 98

công ty chứng khoán, 65 công ty tài vụ của tập đoàn doanh nghiệp, 16 công ty cho thuê tài chính. Ngoài ra còn có 23 tổ chức bảo hiểm của Trung Quốc, trong đó có 3 công ty bảo hiểm tổng hợp, 2 công ty bảo hiểm tài sản khu vực, 1 công ty nông khẩn tự bảo vệ, 17 công ty bảo hiểm tuổi thọ chuyên ngành. Cùng với sự phát triển nhanh chóng mạnh mẽ các tổ chức tài chính tiền tệ Trung Quốc, các tổ chức tài chính tiền tệ vốn ngoại ở Trung Quốc cũng có sự phát triển đáng kể. Đến hết năm 1995, các tổ chức tài chính tiền tệ vốn ngoại đã có 469 cơ quan đại diện, 142 tổ chức kinh doanh tại Trung Quốc, trong đó các ngân hàng vốn ngoại tại Trung Quốc đã lên đến 130 (bao gồm 5 ngân hàng có vốn hợp tác giữa Trung Quốc và nước ngoài, 5 ngân hàng vốn độc lập, 120 chi nhánh ngân hàng nước ngoài), 5 công ty tài chính vốn ngoại, 6 công ty bảo hiểm vốn ngoại, 1 ngân hàng đầu tư có vốn hợp tác Trung Quốc và nước ngoài. Đến đầu năm 1996, Trung Quốc đã hình thành được hệ thống các tổ chức tài chính tiền tệ lấy Ngân hàng Trung ương làm hạt nhân lãnh đạo, lấy các ngân hàng thương mại thuộc sở hữu nhà nước và các ngân hàng chính sách làm chủ thể, nhiều loại tổ chức tài chính tiền tệ cùng tồn tại song song, có tính mở cửa và tính cạnh tranh.

2. Cơ chế vận hành và cơ chế quản lý tài chính tiền tệ

Trước cải cách, các hoạt động tài chính tiền tệ của Trung Quốc được tổ chức theo kế hoạch và dựa vào các lực lượng hành chính để thúc đẩy. Cả một thời kỳ dài đã coi thường thuộc tính

hàng hóa của tiền vốn và thuộc tính thị trường của các hoạt động tài chính tiền tệ, đã coi các tổ chức tài chính tiền tệ là những cơ quan hành chính, đã coi cho vay tín dụng như một biện pháp phân phối tiền vốn của Nhà nước. Trong tình trạng đó, các loại nghiệp vụ tài chính tiền tệ rất nghèo nàn, phạm vi dịch vụ quá chật hẹp, phương thức quản lý của Nhà nước đối với tài chính tiền tệ cũng hết sức đơn giản.

Sau hơn 20 năm cải cách, tình trạng này đã được sửa đổi căn bản. Cùng với việc đa nguyên hoá các tổ chức tài chính tiền tệ, hoạt động tài chính tiền tệ cũng đã nhanh chóng chuyển sang thị trường hóa. Với tư cách là các doanh nghiệp tài chính tiền tệ độc lập, các tổ chức tài chính tiền tệ đã bắt đầu coi tiền vốn là hàng hóa để kinh doanh, phạm vi của dịch vụ tài chính tiền tệ đã nhanh chóng mở rộng. Về các mặt dự án kinh doanh, phương thức dịch vụ, trình tự xử lý và thao tác cụ thể đã dần dần sát với các thông lệ quốc tế. Cơ chế thị trường trong thao tác vận hành tài chính tiền tệ, thể chế quản lý tiền tệ mới cũng đã dần dần được xác lập. Một loạt các luật về tài chính như "Luật về Ngân hàng nhân dân Trung Quốc", "Luật về Ngân hàng thương mại", "Luật về Ngân phiếu định mức", "Luật Bảo hiểm" v.v... đã được ban hành và thực thi, các pháp quy hành chính chú ý đến quản lý tổ chức, quản lý ngành nghề, quản lý các nghiệp vụ cơ bản cùng các quy tắc điều lệ chế độ về các nghiệp vụ đơn lẻ cũng đã nối nhau ra đời. Trong thể chế quản lý tài chính tiền

tệ mới, Ngân hàng Trung ương đã bắt đầu tập trung vận dụng công cụ chính sách tiền tệ để thực hiện các mục tiêu điều chỉnh không chế kinh tế vĩ mô, thực hiện thể chế quản lý tiền vốn "không chế tổng lượng, quản lý tỷ lệ, chỉ đạo phân loại, hòa thông thị trường" theo thông lệ chung của quốc tế. Nhờ vậy, bước sang thế kỷ XXI, cơ chế vận hành thị trường, cơ chế điều tiết không chế vĩ mô gián tiếp và cơ chế giám sát quản lý tài chính tiền tệ thị trường hóa của nền tài chính tiền tệ Trung Quốc đã bước đầu được xây dựng và về cơ bản đã thay thế mô hình truyền thống.

Cải cách thể chế quản lý ngoại hối cũng đã thu được những thành tựu làm mọi người phải hết sức chú ý. Ngày 1-1-1994 tq đã thực thi thành công việc hợp nhất chế độ hối suất đồng Nhân dân tệ

(NDT), đã sửa đổi sự tồn tại song song giữa hối suất Nhà nước và hối suất thị trường, hình thành chế độ hối suất thả nổi đơn nhất, có quản lý và lấy cung cầu của thị trường làm nền tảng. Tiếp đó đã cải cách chế độ để lại và nộp ngoại tệ lên trên, cùng với sự thành lập thị trường giao dịch ngoại hối công khai vào tháng 4-1994. Nhờ đó, sự quản lý theo kế hoạch mang tính mệnh lệnh về thu chi ngoại hối đã rút khỏi vũ đài lịch sử.

3. Tổng lượng tài chính tiền tệ

Cùng với việc thành lập số lượng lớn các tổ chức tài chính tiền tệ và vận hành thị trường các hoạt động tài chính tiền tệ, tổng lượng tài chính tiền tệ đã tăng trưởng nhanh chóng. Bảng 4 đã phản ánh tình hình thay đổi về tăng trưởng của tổng lượng tài chính tiền tệ chủ yếu.

Bảng 4. TÌNH HÌNH TĂNG TRƯỞNG CÁC LOẠI TÀI CHÍNH TIỀN TỆ

Đơn vị: Tỷ NDT

	1978	1980	1985	1990	1995
Tiền mặt hiện có của ngân hàng	21,2	34,62	98,78	264,44	788,53
Tiền tệ (M1)	58,04	114,88	301,73	879,32	2398,73
Tiền tệ nghĩa rộng (M2)	88,97	167,11	487,49	1259,37	60744,94
Tồn khoản tiết kiệm ở thành phố và nông thôn	21,06	39,95	162,26	711,98	2966,22
Số dư tồn khoản của các tổ chức tài chính tiền tệ	130,05	193,35	498,98	1401,26	5386,22
Số dư khoản cho vay của các tổ chức tài chính tiền tệ	189,51	249,59	630,56	1768,07	5039,42
Tổng tài sản vốn của các tổ chức tài chính tiền tệ	204,25	289,66	709,94	1937,70	6248,48

Từ Bảng 4 có thể thấy từ năm 1978 đến năm 1997, bảy chỉ tiêu trên đã có tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm – theo thứ tự là 23,7%, 24,5%, 28,2%, 33,8%, 24,5%, 21,3%, và 22,3%. Từ năm 1997 đến nay, tăng trưởng tài chính tiền tệ vẫn duy trì được tốc độ cao như vậy, một số hạng mục đã đạt tốc độ cao hơn.

Cùng với sự tăng trưởng của tổng lượng tài chính tiền tệ, sự phân rải của tổng lượng cũng biến đổi tương đối lớn. Năm 1978, về cơ bản tổng lượng tài chính tiền tệ được phân ánh toàn bộ trong bảng mắc nợ tài sản của Ngân hàng quốc gia, cùng với sự thành lập hệ thống các tổ

chức tài chính tiền tệ đa nguyên hóa, sự phân rải tổng lượng tài chính tiền tệ cũng đang biến đổi không ngừng, tỷ lệ chiếm hữu của ngân hàng nhà nước dần dần giảm xuống. Thời kỳ giữa thập niên 80 của thế kỷ XX, các tỷ trọng khoản cho vay và tổng tài sản mà ngân hàng nhà nước chiếm đều từ 90% trở lên; thời kỳ đầu thập niên 90 ước chừng là 85%; đến thời kỳ giữa thập niên 90 đã sụt xuống đến xấp xỉ 80%. Đến nay tỷ lệ này giảm xuống còn khoảng 70%. Bảng 5 là tình hình phân bố số dư khoản cho vay và tổng tài sản của các tổ chức tài chính tiền tệ năm 1995.

Bảng 5. TÌNH HÌNH PHÂN BỐ KHOẢN CHO VAY VÀ TỔNG TÀI SẢN CỦA CÁC TỔ CHỨC TÀI CHÍNH TIỀN TỆ (NĂM 1995)

Đơn vị: Tỷ NDT.

	Tổng cộng	Ngân hàng nhà nước	Các ngân hàng khác	Hợp tác xã tín dụng thành phố	Hợp tác xã tín dụng nông thôn	Tổ chức ủy thác tín dụng	Công ty tài vụ
Số dư khoản cho vay	5039,42	3924,96	120,51	192,90	523,42	240,98	36,65
Tỷ trọng (%)	100	77,88	2,39	3,83	10,39	4,78	0,73
Tổng mức tài sản	6248,48	5123,75	126,77	194,95	523,42	242,57	37,02
Tỷ trọng (%)	100	82,00	2,03	3,12	8,38	3,88	0,59

4. Thị trường tài chính tiền tệ

Từ thập niên 80 của thế kỷ XX đến nay, thị trường tài chính tiền tệ Trung Quốc đã phát triển nhanh chóng. Những năm 1981-1995, tổng cộng số trái phiếu nhà nước đã phát hành là 479,821 tỷ NDT, trái khoán doanh nghiệp là 194 tỷ

NDT; số cổ phiếu bán ra trên thị trường là 76,563 tỷ NDT. Năm 1995, mức giao dịch hiện có về trái phiếu nhà nước của hai sở giao dịch chứng khoán Thượng Hải, Thẩm Quyến là 79,264 tỷ NDT; mức giao dịch mua lại là 124,851 tỷ NDT; tổng giá trị của giá thị trường cổ phiếu là 347,427 tỷ NDT; mức giao dịch

là 403,581 tỷ NDT. Thị trường vay ngắn hạn cũng đạt được quy mô nhất định, năm 1995 lượng giao dịch của thị trường vay ngắn hạn cùng ngành trong cả nước đã gần 2000 tỷ NDT, mức dư vay ngắn hạn là 180 tỷ NDT, đầu năm 1996, Ngân hàng Nhân dân Trung Quốc đã thành lập được hệ thống mạng lưới giao dịch thống nhất của thị trường chiết khấu.

Từ thập niên 90 đến nay, thị trường ngân phiếu định mức cũng phát triển tương đối nhanh. Năm 1995, tổng cộng các hối phiếu thương mại do các ngân hàng thương mại đã đổi là 242,4 tỷ NDT, số chiết khấu là 141,2 tỷ NDT, số dư tái chiết khấu của Ngân hàng Nhân dân Trung Quốc là hơn 30 tỷ NDT.

Sự phát triển của thị trường ngoại hối lại càng nhanh. Đặc biệt là từ ngày 1-1-1994, sau khi thống nhất chế độ hối suất của đồng Nhân dân tệ thì ngày 4-4-1994, Trung tâm giao dịch ngoại hối Trung Quốc đã chính thức thành lập tại Thượng Hải, bước đầu đã hình thành được thị trường ngoại hối thống nhất của cả nước, đến cuối năm 1995, số đơn vị là hội viên của hệ thống giao dịch của thị trường ngoại hối giữa các ngân hàng đã tăng thêm 373 đơn vị, số thành phố thực hiện việc giao dịch liên mạng lên con số 25, Bắc Kinh có 8 ngân hàng, Thẩm Quyến có 18 ngân hàng đã thực hiện việc giao dịch từ xa. Năm 1995 mức giao dịch xong trong tổng giao dịch ngoại hối là 65,52 tỷ USD, hối suất vào cuối năm là 1 USD = 8,3174 đồng NDT. Đến hết năm 1996, dự trữ ngoại hối của Trung Quốc lên đến 105 tỷ USD, số dư nợ nước

ngoài là 110 tỷ USD, tổng cộng mức đầu tư trực tiếp của nước ngoài là hơn 160 tỷ USD.

5. Những mâu thuẫn và vấn đề chủ yếu hiện còn tồn tại.

Khoảng 20 năm nay, ngành tài chính tiền tệ của Trung Quốc đã phát triển với tốc độ chưa từng có, một thể chế tài chính tiền tệ thích ứng với thể chế kinh tế thị trường XHCN bước đầu đã được hình thành. Sự phát triển với tốc độ nhanh của ngành tài chính tiền tệ đã hỗ trợ đắc lực cho sự cất cánh của nền kinh tế Trung Quốc. Nhưng nhìn vào tình trạng tài chính tiền tệ trước mắt thì vẫn đang tồn tại không ít mâu thuẫn và vấn đề. Về mặt tài chính tiền tệ vĩ mô thì chủ yếu thể hiện ở hiệu suất của tài chính tiền tệ không cao, hiệu suất tài chính tiền tệ hiện giờ của Trung Quốc so với các nước phát triển và các nước mới công nghiệp hóa vẫn còn ở một trình độ tương đối thấp, mười mấy năm gần đây tuy hiệu suất tài chính tiền tệ có nâng cao một chút, nhưng sự nâng cao của hiệu suất còn yếu kém, không thể hiện rõ rệt như tăng trưởng về số lượng. Về mặt các tổ chức tài chính tiền tệ, chất lượng của tài sản vốn còn tương đối thấp, tỷ trọng của các khoản cho vay không lành mạnh tương đối cao, quay vòng tiền vốn không suôn sẻ đầy đủ, tốc độ thanh toán của ngân hàng, mức độ hiện đại hóa thiết bị, chất lượng của dịch vụ cũng lạc hậu so với các nước phát triển. Về mặt thị trường tài chính tiền tệ, so với các nước phát triển thì khoảng

chênh lệch về năng lực thỏa mãn nhu cầu tiền vốn của xã hội và mức độ thuận tiện về lưu chuyển tiền vốn lại càng rõ rệt, thị trường cấp 1 phát triển tương đối chậm, thị trường cấp 2 thì quy mô chưa đầy đủ, tính đầu cơ quá lớn, mức độ rủi ro nguy hiểm về tài chính tiền tệ rất lớn.

Trong tình hình Trung Quốc trở thành thành viên WTO, những yếu kém trên càng bộc lộ rõ, là thách thức lớn trong cạnh tranh với các nhà đầu tư nước ngoài về lĩnh vực này ngay tại thị trường Trung Quốc.

II. PHƯƠNG CHÂM CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN NGÀNH TÀI CHÍNH TIỀN TỆ TRUNG QUỐC

Trong nền kinh tế hiện đại, ngành tài chính tiền tệ là hệ thống mạng lưới vận hành tiền vốn xã hội. Do đó sự phát triển của ngành tài chính tiền tệ sẽ ảnh hưởng rất mạnh đến toàn bộ sự vận hành của nền kinh tế. Xuất phát từ tính đặc thù của bản thân ngành tài chính tiền tệ và tình hình thực tế, phương châm chiến lược phát triển ngành tài chính tiền tệ của Trung Quốc từ nay về sau là: ổn định sự tăng trưởng của tiền tệ, nâng cao hiệu suất của dịch vụ, đưa thị trường tài chính tiền tệ vào khuôn phép, bảo đảm chắc chắn sự an toàn của hệ thống.

Trong quá trình phát triển kinh tế, nhu cầu về tiền tệ sẽ không ngừng mở rộng, sự cung ứng tiền tệ cần phải tăng trưởng theo. Nhưng trong điều kiện của tiền tệ tín dụng, sự cung ứng quá nhiều tiền tệ sẽ gây ra lạm phát tiền tệ, dẫn

đến vật giá leo thang, trong trạng thái tiền tệ bị lạm phát thì kinh tế không thể phát triển lành mạnh. Do đó nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của hệ thống tài chính tiền tệ phải là cung cấp một môi trường tiền tệ ổn định cho sự phát triển kinh tế, tăng trưởng của tiền tệ phải thích ứng với sự tăng trưởng của kinh tế.

Tài chính tiền tệ với tư cách là một ngành dịch vụ đặc thù thì hiệu suất là vấn đề then chốt. Hai mươi năm gần đây, sự thúc đẩy của các tổ chức tài chính tiền tệ ở các nước phát triển đối với sự tăng trưởng kinh tế đã ngày càng phụ thuộc vào sự nâng cao hiệu suất tài chính tiền tệ. Năm 1994, Mỹ đã bằng lượng tiền tệ 1231,4 tỷ USD (trong đó lượng tiền lưu thông là 363,5 tỷ USD) thực hiện được 6726,9 tỷ USD tổng giá trị sản xuất quốc dân. Tổng giá trị sản xuất quốc dân là 5,46 lần lượng tiền tệ, là 18,5 lần lượng tiền tệ lưu thông. Cùng năm đó, Trung Quốc đã thực hiện 4375 tỷ NDT (trong đó lượng tiền tệ lưu thông là 728,9 tỷ NDT) quay vòng, tổng giá trị sản xuất quốc dân chỉ bằng 2,13 lần lượng tiền tệ, bằng 6 lần lượng tiền tệ lưu thông. Giả sử như chiếu theo tỷ suất kinh tế - tiền tệ của Mỹ, thì thực tế tổng giá trị sản xuất quốc dân 4375 tỷ NDT chỉ cần đến 801,3 tỷ NDT, trong đó lượng tiền tệ lưu thông lại càng ít hơn, chỉ cần 236,5 tỷ NDT. Nói cách khác, nếu đạt được hiệu suất về tác dụng tiền tệ của Mỹ thì lượng tiền tệ 2055 tỷ NDT đã có thể thực hiện được 11223,5 tỷ NDT về tổng giá trị sản xuất quốc dân, còn lượng tiền tệ lưu thông 728,9 tỷ NDT lại

có thể thực hiện được tổng giá trị sản xuất quốc dân bằng 13.484,6 tỷ NDT. Cho dù sự so sánh này hoàn toàn khập khiễng, nhưng từ một mặt nào đó có thể thấy được sự chênh lệch rất lớn trong phát triển kinh tế giữa kiểu nâng cao hiệu suất của phát triển tài chính tiền tệ với kiểu mở rộng về số lượng của phát triển tài chính tiền tệ.

Đưa thị trường tài chính vào khuôn khổ là một mặt quan trọng khác trong phát triển ngành tài chính tiền tệ của Trung Quốc. Sự chuyển đổi quỹ đạo của thể chế vận hành tài chính tiền tệ của Trung Quốc hiện giờ vẫn chưa hoàn thiện, cho dù sau khi đã thực hiện xong việc chuyển đổi quỹ đạo thì thị trường tài chính tiền tệ có khuôn phép vẫn là bảo đảm quan trọng cho sự phát triển lành mạnh ngành tài chính tiền tệ nói riêng, nền kinh tế nói chung.

Do ngành tài chính tiền tệ giữ địa vị quan trọng đặc biệt trong nền kinh tế quốc dân nên việc bảo đảm sự an toàn hệ thống tài chính tiền tệ không những đối với bản thân ngành tài chính tiền tệ, mà đối với toàn bộ sự phát triển kinh tế đều có ý nghĩa hết sức quan trọng. Cùng với sự ứng dụng rộng rãi các phương tiện khoa học - công nghệ hiện đại trong ngành tài chính tiền tệ, sự xuất hiện ô ạt không ngừng những sáng tạo mới về tài chính tiền tệ và sự tăng nhanh tiến trình quốc tế hóa tài chính tiền tệ cũng càng ngày càng cao. Làm sao để tránh phạm phải những rủi ro nguy hiểm đã trở thành một vấn đề được chú ý quan tâm rộng rãi trên toàn thế giới, vì một

khi hệ thống tài chính tiền tệ xuất hiện những rủi ro nguy hiểm lớn thì sẽ nảy sinh những phản ứng có tính dây chuyền và gây tai họa, vì vậy trong quá trình phát triển ngành tài chính tiền tệ Trung Quốc trong tương lai, việc bảo đảm chắc chắn sự an toàn của hệ thống tài chính tiền tệ cần trở thành một phương châm chiến lược quan trọng.



CHÚ THÍCH:

1. Dương Vĩ Dân: *Chiến lược cơ bản và phương hướng chính sách phát triển ngành dịch vụ Trung Quốc*, 22-9-2003.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Vương Thời Trung (Chủ biên): *WTO và Trung Quốc - Lịch sử, hiện tại, tương lai*. NXB Nhân dân Giang Tô, 5 - 2001.

2. Lữ Thế Bình, Sư Câu Ân, Trương Chiêu Đông: *WTO và sự phát triển ngành nghề ở Trung Quốc*. NXB Đại học Trịnh Châu, 8 - 2003.

3. Lý Thành Huân (Chủ biên): *Chiến lược phát triển kinh tế xã hội Trung Quốc 1996 - 2050 - những ý tưởng hướng tới hiện đại hóa*. NXB Bắc Kinh, 6 - 1997.

4. Dương Vĩ Dân: *Chiến lược cơ bản và phương hướng phát triển ngành dịch vụ Trung Quốc*, 9-2003.